| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **17**/2026/DS-PT
Ngày: 10/3/2026
*V/v:* "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trần Đức Kiên**

*Các thẩm phán:* ông **Trần Quốc Cường**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

***- Thư ký phiên tòa:*** bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/TBTL-TA ngày 01 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 251A/2026/QĐPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP X (E); trụ sở: Tầng H tòa nhà V số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của* Ngân hàng TMCP X *(E)*: ông Lê Ngọc T, chức vụ: Giám đốc kinh doanh bán lẻ -; địa chỉ: 1 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

***- Bị đơn:*** ông Lê Hữu H, sinh năm: 1981; địa chỉ: K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Trần C, sinh năm 1942 (đã chết);
2. Bà Trương Thị Y, sinh năm 1948;
3. Bà Trần Thị Trương H1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng); đều vắng mặt.

4. Ông Trần Anh D, sinh năm 1968; địa chỉ: D đường T, tổ A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); hiện đang cư trú tại H (USA); vắng mặt.

5. Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1969; địa chỉ: K đường L, tổ D, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng);

6. Ông Trần Quốc H2, sinh năm 1973;

7. Ông Trần Quốc H3, sinh năm 1974;

8. Bà Trần Thị Trương H4, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng); đều vắng mặt.

9. Ông Trần Quốc H5 (con ông Trần C và bà Trương Thị Y); địa chỉ: hiện chưa xác định được; vắng mặt.

*Người kháng cáo:* bị đơn ông Lê Hữu H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 và lời khai kế tiếp, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn* Ngân hàng TMCP X *(*E*) trình bày:* Ngày 24/9/2015, Ngân hàng TMCP X (E) và ông Lê Hữu H đã ký Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201501195 cho ông H vay số tiền 850.000.000 đồng. Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình tại số nhà K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Thời hạn vay: 240 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông Lê Hữu H đã nhận nợ số tiền 315.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1600-LDS-201503658 ngày 24/09/2015, và nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1600-LDS-201503659 ngày 25/09/2015. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả của bên vay, các bên đã ký Hợp đồng thế chấp số: 160/2015-CN ngày 24/9/2015 được công chứng tại Phòng Công chứng số B thành phố Đà Nẵng và đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 24/9/2015. Tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp trên là: Căn nhà tại (thửa đất số: 277, tờ bản đồ số: 07) tọa lạc tại K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần C và bà Trương Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 3402071038 do UBND thành P cấp ngày 22/05/2001. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Lê Hữu H chỉ trả được 228.800.000 đồng nợ gốc và một phần nợ lãi. Sau đó, ông Lê Hữu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 02/2023, E đã nhiều lần đề nghị ông Lê Hữu H trả nợ nhưng ông Lê Hữu H vẫn không thanh toán nợ cho E. Nay ông Lê Hữu H còn nợ E tính đến ngày 13/9/2024 số tiền: 477.989.887 đồng (trong đó gốc: 386.200.000 đồng, lãi trong hạn: 73.731.469 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 6.872.279đồng, lãi trên số tiền lãi chậm trả: 11.186.139 đồng). Các khoản nợ của ông Lê Hữu H thuộc quyền đòi nợ của E, E chưa bán các khoản nợ trên cho Công ty TNHH MTV Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Vì vậy, căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 1600-LAV-201501195 ngày 24/9/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số: 160/2015-CN ngày 24/9/2015. Nay E yêu cầu giải quyết: Buộc ông Lê Hữu H phải trả cho Ngân hàng TMCP X (E) trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên. Nợ lãi tiếp tục tính từ ngày 14/9/2024 cho đến khi ông Lê Hữu H thanh toán xong

toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP X (E) theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên. Nếu ông Lê Hữu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP X được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Trần C (chết) và bà Trương Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do UBND thành phố P cấp ngày 22/5/2001. Nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì ông Lê Hữu H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

- *Bị đơn ông* Lê Hữu H *trình bày:* Ông thừa nhận vào ngày 24/9/2015, Ngân hàng TMCP X (E) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201501195 cho ông Lê Hữu H vay số tiền 850.000.000 đồng. Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình tại số nhà K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Thời hạn vay: 240 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Trương H1, bà Trương Thị Y; ông Trần Anh D; ông Trần Quốc T1; ông Trần Quốc H2, ông Trần Quốc H3, bà Trần Thị Trương H4: không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*** căn cứ các Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền lãi chậm trả: 11.186.139 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) đối với ông Lê Hữu H về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc ông Lê Hữu H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X (E) số tiền nợ gốc: 386.200.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/9/2024: nợ lãi trong hạn: 73.731.469 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 6.872.279 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 466.803.748 đồng. *(Bốn trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm không ba ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng).*

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 14/9/2024 cho đến khi ông Lê Hữu H thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP X (E) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201503658 ngày 24/09/2015 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1600-LDS-201503659 ngày 25/09/2015.

Trường hợp ông Lê Hữu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng TMCP X (E) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là ngôi nhà, tường xây, mái ngói, sàn đúc, nền gạch men, số tầng: 2; diện tích sử dụng 202,69m$^2$, diện tích xây dựng 127,70m$^2$ và quyền sử dụng đất có diện tích 178,40m$^2$ tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà

Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần C (chết) và bà Trương Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do UBND thành phố P cấp ngày 22/5/2001. Nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì ông Lê Hữu H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Lê Hữu H thanh toán nợ xong thì Ngân hàng TMCP X (E) phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị Y và các đồng thừa kế thứ nhất của ông Trần C (gồm Trương Thị Y, ông Lê Hữu H, bà Trần Thị Trương H1, ông Trần Anh D; ông Trần Quốc T1; ông Trần Quốc H2, ông Trần Quốc H3, bà Trần Thị Trương H4) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do UBND thành phố P cấp ngày 22/5/2001 đứng tên ông Trần C, bà Trương Thị Y.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/10/2024, bị đơn ông Lê Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để tiến hành xét xử lại vụ án do Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự khi không đưa ông Trần Quốc H5 là hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C (đã chết) vào tham gia tố tụng, ông Lê Hữu H chưa được Toà án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].** Ngày 21/10/2024, bị đơn ông Lê Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H; hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**[2].** Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án như sau:

**[2.1].** Về Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Ngày 24/9/2015, Ngân hàng TMCP X (E) và ông Lê Hữu H đã ký Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201501195 cho ông H vay số tiền 850.000.000 đồng để sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình với thời hạn vay là 240 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Ngày 24 và 25/9/2015, ông H lần lượt nhận số tiền 315.000.000 đồng và 300.000.000 đồng từ Ngân hàng theo các khế ước nhận nợ số 1600-LDS-201503658 và số 1600-LDS-201503659. Để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ông Trần C và bà Trương Thị Y đã dùng tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 07, tọa lạc

tại K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng để thế chấp, được công chứng tại Phòng Công chứng số B thành phố Đà Nẵng và đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, thành phố Đà Nẵng cùng ngày 24/9/2015. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần C chết (30/01/2017), ông Lê Hữu H chỉ trả được nợ gốc 228.800.000 đồng và một phần nợ lãi, đến tháng 02/2023 thì ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại Mục 5.1, 5.2 của các Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ. Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức; ông Trần C chết sau khi hợp đồng đã được ký kết nên không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng. Do đó, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xác định: tính đến ngày 13/9/2024, ông Lê Hữu H còn nợ số tiền gốc 386.200.000 đồng, lãi trong hạn 73.731.469 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 6.872.279 đồng và buộc ông Lê Hữu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng E tổng số tiền 466.803.748 đồng cả nợ gốc và lãi; tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 14/9/2024 cho đến khi ông Lê Hữu H thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng E theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ số 1600-LDS-201503658 ngày 24/09/2015 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1600-LDS-201503659 ngày 25/09/2015. Đồng thời, xác định Ngân hàng E có quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần C (chết) và bà Trương Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do UBND thành phố P cấp ngày 22/5/2001 nếu ông Lê Hữu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì ông Lê Hữu H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ; trường hợp ông Lê Hữu H thanh toán nợ xong thì Ngân hàng E phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị Y và các đồng thừa kế thứ nhất của ông Trần C bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do UBND thành phố P cấp ngày 22/5/2001 đứng tên ông Trần C, bà Trương Thị Y là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

**[2.2].** Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C:

Như nhận định ở trên của Bản án, Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo đối với nhà, đất tọa lạc tại K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Trần C và bà Trương Thị Y có hiệu lực pháp luật, quá trình các bên thực hiện Hợp đồng, ông Trần C chết (30/01/2017) nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đưa họ vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật, đồng thời đảm bảo việc thi hành án cũng như đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Theo đó, cha mẹ của ông C đã chết nên vợ ông C là bà Trương Thị Y cùng các con của ông C được xác định là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C.

Xét thấy, tại Bản tự khai ngày 04/12/2023, ông Lê Hữu H trình bày: "… *ông* Trần C *cha vợ tôi đã bị bệnh đã mất năm 2019 (tối 2019)*" và ông C có các người con gồm: "Trần Anh D*,* Trần Quốc H3*,* Trần Thị Trương H4*,* Trần Quốc T1*,* Trần Quốc H2*,* Trần Thị Trương H4*,* Trần Thị Trương H1*,* Trần Quốc H5" (BL 65).

Ngày 29/12/2023, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê tiến hành lấy lời khai của bà Trương Thị Y (vợ của ông Trần C), bà Y trình bày: "*Bà* Trương Thị Y *và ông* Trần C *(đã mất) có 07 người con có tên như sau:* Trần Anh D*, sinh năm 1967 hiện nay đang định cư ở Mỹ;* Trần Quốc T1 *sinh năm 1968;* Trần Quốc H2*, sinh năm 1972;* Trần Quốc H3*, sinh năm 1974;* Trần Thị Trương H4*, sinh năm 1977;* Trần Thị Trương H1*, sinh năm 1980;* Trần Quốc H5*, sinh năm 1971*" (BL 77). Đồng thời, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ban hành Công văn số 04/CV-TA ngày 03/01/2023, đề nghị Công an quận T xác minh những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C. Theo đó, kết quả xác minh tại Công văn số 84/CAQ-QLHC ngày 11/01/2024 của Công an quận T (BL 79) thể hiện: *ông* Trần C *có cha mẹ đẻ là ông* Trần M *(chết năm 1951) và bà* Ngô Thị N *(chết năm 1948), có vợ là bà* Trương Thị Y *và các con gồm:* Trần Anh D*,* Trần Quốc T1*,* Trần Quốc H2*,* Trần Quốc H3*,* Trần Thị Trương H4*,* Trần Thị Trương H1 *và* Trần Quốc H5 (BL 79).

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không đưa ông Trần Quốc H5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng. Đồng thời, bản án sơ thẩm lại xác định ông Lê Hữu H (con rể ông C) là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C (trang 06, 07 bản án sơ thẩm) là xác định không đúng, không đầy đủ người tham gia tố tụng trong vụ án, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định đương sự trong vụ án, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Quốc H5.

Trường hợp Ngân hàng TMCP X (E) được thực hiện quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn tổng số nợ mà ông H phải có nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng E phải có nghĩa vụ trả lại phần giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế của ông Trần C sau khi đã đối trừ nghĩa vụ mà ông H phải thi hành nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông Trần Quốc H5 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C, không đưa ông Trần Quốc H5 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H5. Trong khi đó, phần Quyết định của bản án sơ thẩm quyết định nội dung: "…*Trường hợp ông* Lê Hữu H *thanh toán nợ xong thì* Ngân hàng TMCP X *(*E*) phải có nghĩa vụ trả lại cho bà* Trương Thị Y *và các đồng thừa kế thứ nhất của ông* Trần C *(gồm* Trương Thị Y*,* ***ông*** Lê Hữu H*, Bà* Trần Thị Trương H1*, ông* Trần Anh D*; ông* Trần Quốc T1*; ông* Trần Quốc H2*, ông* Trần Quốc H3*, bà* Trần Thị Trương H4*) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402071038 do* UBND thành phố P *cấp ngày 22/5/2001 đứng tên ông* Trần C*, bà* Trương Thị Y*.".*

Việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

**[3].** Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

**[4].** Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Lê Hữu H không phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H;

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**2.** Về án phí: căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Lê Hữu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0007732 ngày 31/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

- Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đức Kiên**